TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UB **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2024/QĐST-HNGĐ	*UB, ngày 27 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D.

Địa chỉ: Tổ 5, khu CK, phường NK, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: anh Trần Văn T.

Địa chỉ: Tổ 5, khu CK, phường NK, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 04 con chung gồm cháu Trần Duy Sang, sinh ngày 31/10/2013; Trần Đức Trọng, sinh ngày 29/5/2015; Trần Quang Khải, sinh

ngày 16/8/2019 và Nguyễn Trần Bảo Quyên, sinh ngày 25/02/2022, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; trường hợp, bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị D tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002640 ngày 25/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Nguyễn Thị D 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0002640 ngày 25/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

-Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố UB;
- Chi cục THADS thành phố UB;
- UBND phường NK,
thành phố UB (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Kim Văn Sơn